

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1 Tên học phần (tiếng Việt):	Tiền tệ, Ngân hàng và Thị trường Tài chính 1
1.2 Tên học phần (Tiếng Anh):	Money, Banking and Financial market 1
1.3 Trình độ đào tạo:	Đại học – Chuẩn
1.4 Định hướng đào tạo:	Ứng dụng
1.5 Mã học phần:	010873
1.6 Số tín chỉ:	3 tín chỉ
1.7 Thuộc khối kiến thức:	Cơ sở ngành
1.8 Phân bổ thời gian (số giờ):	
- Lý thuyết:	30 giờ
- Bài tập, thảo luận:	
- Thực hành	15 giờ
- Tự học:	105 giờ
1.9 Bộ môn/Khoa phụ trách học phần:	Bộ môn Tài chính- tiền tệ/Khoa Tài chính - Ngân hàng
1.10 Điều kiện tham gia học phần:	
- Điều kiện tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô
- Học phần song hành:	

### 2. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CỦA HỌC PHẦN

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành (foundation learning courses) của các chương trình đào tạo thuộc khối ngành Kinh tế. Các nội dung của học phần này vừa mang tính lý thuyết lại vừa gắn liền với các hoạt động thực tiễn. Đầu tiên, học phần này giúp người học hiểu được các thuật ngữ Tài chính – Tiền tệ - Ngân hàng. Tiếp theo, đây là học phần đầu tiên trong chương trình đào tạo giúp người học hiểu, về thị trường tài chính – là những cấu phần không thể thiếu trong nền kinh tế và cũng là thị trường tác động mạnh mẽ đến hiệu quả của cả nền kinh tế. Ngoài ra, đây cũng là học phần đầu tiên trong chương trình đào tạo giúp người học hiểu, mô tả và giải thích được các hiện tượng,

sự kiện tài chính tiền tệ, liên hệ với các thị trường hàng hóa, dịch vụ thông qua diễn biến của các thông tin tài chính. Cuối cùng, học phần cũng đưa ra những bài thực hành cơ bản về đầu tư, như: tính tỷ suất sinh lợi của một khoản đầu tư; so sánh các cơ hội đầu tư; so sánh giữa lợi ích và rủi ro; đưa ra các quyết định đầu tư cơ bản giữa trên các tín hiệu thị trường.

### 3. MỤC TIÊU CỦA HỌC PHẦN:

Sau khi học xong học phần này, sinh viên có khả năng hiểu được những khái niệm cơ bản về tiền tệ, lạm phát, tín dụng, lãi suất, tỷ giá cũng như các thị trường tài chính, hiểu được quá trình hoạt động của các chủ thể quan trọng trong hệ thống tài chính như ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương, tài chính công, tài chính doanh nghiệp và tài chính quốc tế. Sinh viên tính toán và giải quyết được các bài toán kinh tế cơ bản như tính lãi suất, tỷ suất sinh lợi, lựa chọn cơ hội đầu tư cũng như đưa ra được những nhận định, bình luận của mình về các vấn đề liên quan đến tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính trên các tình huống thực tế. Ngoài ra sinh viên có được sự tự tin và tự định hướng khi đưa ra những quyết định của mình, có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và chịu trách nhiệm với chính mình và nhóm làm việc. Thêm vào đó quá trình học giúp sinh viên làm quen với một số thuật ngữ chuyên môn bằng tiếng Anh để giúp sinh viên có thể tiếp thu các học phần học bằng Tiếng Anh sau này.

### 4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN:

Ký hiệu	Nội dung
<b>Về kiến thức</b>	
CLO1	Giải thích được khái niệm, chức năng của Tiền, phân biệt được các hình thái tiền tệ, phân tích và đánh giá ở mức độ cơ bản về các vấn đề liên quan đến tiền tệ. (Chương 1)
CLO2	Giải thích được khái niệm lạm phát, nguyên nhân của lạm phát, phân tích và đánh giá ở mức độ cơ bản về những tác động của lạm phát đối với nền kinh tế, cũng như các biện pháp để kiềm chế lạm phát. (Chương 2)
CLO3	Giải thích bản chất, vai trò của tín dụng trong nền kinh tế, phân biệt được các đặc điểm khác nhau giữa những hình thức tín dụng cơ bản của nền kinh tế (Chương 3)
CLO4	Phân biệt được các loại lãi suất, giải thích được cấu trúc kỳ hạn, cấu trúc rủi ro của lãi suất.

	<p>Tính toán được các bài tập tính lãi cơ bản tính các loại lãi suất, tỷ suất sinh lời.</p> <p>Phân tích, đánh giá ở mức độ cơ bản về các vấn đề liên quan đến lãi suất. (Chương 4)</p>
CLO5	<p>Trình bày được các nghiệp vụ cơ bản của ngân hàng thương mại, những khoản mục cơ bản trên bảng cân đối tài sản của ngân hàng.</p> <p>Tính toán được các bài toán cơ bản của tài chính, tiền tệ và ngân hàng như: tính các loại lãi tiền gửi, tiền vay theo các hình thức khác nhau. (Chương 5)</p>
CLO6	<p>Trình bày được các hoạt động chính của Ngân hàng Trung ương trong việc thực thi chính sách tiền tệ, Phân tích, đánh giá chính sách tiền tệ. Tính toán được các biến số trong số nhân tiền tệ (Chương 6)</p>
CLO7	<p>Giải thích được cấu trúc của thị trường tài chính, các chủ thể tham gia thị trường tài chính, các công cụ tài chính cơ bản trên thị trường tài chính (Chương 7)</p>
CLO8	<p>Trình bày được những vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp, phân tích được cấu trúc tài chính của doanh nghiệp, trình bày được mối quan hệ giữa tài chính doanh nghiệp và hệ thống tài chính của một nền kinh tế (Chương 8)</p>
CLO9	<p>Trình bày được vai trò của tài chính quốc tế, phân biệt được các loại tỷ giá, các yếu tố tác động đến tỷ giá trong ngắn hạn và dài hạn, các chính sách tỷ giá. Tính toán tăng giảm tỷ giá (Chương 9)</p>
CLO10	<p>Trình bày được vai trò của chính phủ đối với nền kinh tế thông qua các nội dung liên quan đến: ngân sách nhà nước, nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước, chính sách tài khóa</p> <p>Phân tích, đánh giá chính sách tài khóa (Chương 10)</p>
<b>Về kỹ năng</b>	
CLO11	<p>Kỹ năng làm việc nhóm, quản lý thời gian, giải quyết vấn đề trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.</p>
<b>Về mức tự chủ và trách nhiệm</b>	
CLO12	<p>Học tập một cách chủ động, độc lập, tự tin đưa ra những ý kiến của mình, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm</p>

**4.1 Chuẩn đầu ra của học phần:**

**4.2 Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần (CLOs) với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs):**

Chuẩn đầu ra của học phần	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO10
CLO 1	I								I	R
CLO 2	I				R				I	R
CLO 3	I									
CLO 4	I		R		I					
CLO 5	I				R					
CLO 6	I			R						R
CLO 7	I									
CLO 8	I				I					
CLO 9	I									
CLO 10	I								I	R
CLO11									I	I
CLO12									R	
<b>Tổng hợp học phần</b>	I		R	R	R				R	R

**Chú thích:** Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLOs với PLOs được xác định cụ thể như sau:

- *I (Introduced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.
- *R (Reinforced)* – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
- *M (Mastery)* – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
- *A (Assessed)* – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

### 5. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY:

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học, tự nghiên cứu		
Tuần 1: Từ: ..... Đến...	Giới thiệu môn học Chương 1. Tổng quan về tiền tệ	2.0	2.0			10.0	GV thuyết giảng	Đọc chương 1 [1], chương 1,3 [2], SV tìm hiểu về vấn đề tiền tệ mới
Tuần 2: Từ: ..... Đến...	Chương 2: Lạm phát	2.0	2.0			10.0	GV thuyết giảng	Đọc chương 2 [1], chương 1[2] SV tính toán tỷ lệ lạm phát, vẽ đồ thị lạm phát và cung tiền. Tìm hiểu về vấn đề lạm phát hiện tại
Tuần 3: Từ: ..... Đến...	Chương 3: Tín dụng	3.0	1.0			10.0	GV thuyết giảng	Đọc chương 3,4 [1]
Tuần 4: Từ: ..... Đến...	Chương 4: Lãi suất	3.0	1.0			10.0	GV thuyết giảng	Đọc chương 3+4 [1]; chương 4,5,6[2]; chương 3,5 [3] SV tính toán các loại lãi suất của 4 công cụ nợ cơ bản.
Tuần 5: Từ: ..... Đến...	Chương 5: Ngân hàng Thương	3.5	0.5			10.0	GV thuyết giảng	Đọc chương 5 [1]; chương 10[2]; chương 7,11[3]

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học, tự nghiên cứu		
Đến...	<b>mại</b>							
<b>Tuần 6:</b> Từ: ... Đến...	<b>Chương 6: Ngân hàng Trung Ương và chính sách tiền tệ</b>	1.5	2.5			10.0		Đọc chương 6 [1]; chương 13,14,15,15[2]; chương 3,4,10[3] SV tìm hiểu về chính sách tiền tệ hiện đại, cập nhật chính sách tiền tệ Việt Nam trong năm
<b>Tuần 7:</b> Từ: ... Đến...	<b>Chương 7: Hệ thống Tài chính</b>	4.0	0			10.0	GV thuyết giảng	Đọc chương 7 [1]; chương 2[2]; chương 1,2 [3]
<b>Tuần 8:</b> Từ: ... Đến...	<b>Chương 8: Tài chính Doanh nghiệp</b>	3.0	1.0			10.0	GV thuyết giảng	Đọc chương 8 [1]; chương 1,2[6]
<b>Tuần 9:</b> Từ: ... Đến...	<b>Chương 9: Tài chính Quốc tế</b>	3.5	0.5			10.0	GV thuyết giảng	Đọc chương 9 [1]; chương 17,18[2]; chương 15[3]
<b>Tuần 10:</b> Từ: ... Đến...	<b>Chương 10: Tài chính Công</b>	1.5	2.5			10.0	GV thuyết giảng	Đọc chương 10 [1]; chương 4,10,11,12[7] SV tìm hiểu về nợ công, chính sách tài khóa các quốc gia
<b>Tuần 11:</b>	<b>Tổng kết: ôn</b>	3.0	2.0			10.0		SV ôn tập nội dung của môn học

Thời gian	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy-học					Phương pháp giảng dạy	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị trước khi đến lớp
		GIỜ LÊN LỚP						
		Lý thuyết	Thực hành tích hợp	Nghiên cứu tình huống và thảo luận	Thực hành tại PM, PMP, DN	Tự học, tự nghiên cứu		
Từ: .... Đến...	<b>Tập và công bố điểm quá trình</b>							
	<b>Tổng</b>	<b>30</b>	<b>15</b>			<b>105</b>		

## 6. HỌC LIỆU

### 6.1 Tài liệu chính: (tối đa 3 quyển)

- [1] Bài giảng tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính 1, Khoa Tài chính – Ngân hàng.  
 [2] Mishkin, F. (2019) *The Economics of Money, Banking and Financial Markets*, 12<sup>th</sup> Edn. Pearson.  
 [3] Mishkin, F. and Eakins, S. (2018) *Financial Markets & Institutions*, 9<sup>th</sup> Edn. Pearson

### 6.2 Tài liệu tham khảo: (tối đa 5 quyển)

- [4] Nguyễn Văn Tiến (2016), *Tiền tệ ngân hàng và thị trường tài chính*, NXB Lao động,  
 [5] Sử Đình Thành và Vũ Thị Minh Hằng (2014), *Nhập Môn Tài chính – Tiền tệ* Trường Đại học quốc gia Hà Nội, NXB Lao động xã hội.  
 [6] Glen Arnold (2013), *Essentials of Corporate Financial Management*, Pearson  
 [7] David Hyman (2010), *Public Finance*, Cengage  
 [8] Jeff Madura (2015), *Thị trường tài chính*, Cengage

## 7. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

### 7.1. Đánh giá quá trình: 50%

TT	PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CDR ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CÁU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN	Tỷ trọng trong học phần
1	Thuyết trình/làm việc nhóm	<b>Kỹ năng:</b> Tổ chức, thực hiện thuyết trình nhóm, hoàn thành làm việc nhóm trong khoảng thời gian được giao.	CLO11	25%	12.5%
		<b>Mức độ tự chịu trách nhiệm:</b> Có niềm tin, tự định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ được quan điểm cá nhân. Có thể làm việc độc lập, hoặc làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	CLO12	25%	12.5%
2.	Trắc nghiệm	<b>Kiến thức:</b> Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của sinh viên, khả năng hệ thống hoá và áp dụng kiến thức để trình bày, diễn giải một vấn đề cụ thể đặt ra của môn học.	CLO1	10%	5%
			CLO2	10%	5%
			CLO4	10%	5%



			CLO5	10%	5%
			CLO6	10%	5%
	<b>Tổng</b>			<b>100%</b>	<b>50%</b>

## 7.2. Đánh giá kết thúc học kỳ: 50%

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ	MÔ TẢ	CÁC CỜ ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ	CẤU TRÚC ĐIỂM THÀNH PHẦN	Tỷ trọng trong học phần
Thi trắc nghiệm (40 hỏi trắc nghiệm).	<b>Kiến thức:</b> Đánh giá mức độ hiểu biết và tiếp thu kiến thức của sinh viên, khả năng hệ thống hoá và áp dụng kiến thức để trình bày, diễn giải một vấn đề cụ thể đặt ra của môn học	CLO1	10%	5%
		CLO2	10%	5%
		CLO3	10%	5%
		CLO4	10%	5%
		CLO5	10%	5%
		CLO6	10%	5%
		CLO7	10%	5%
		CLO8	10%	5%
		CLO9	10%	5%
		CLO10	10%	5%
			<b>100%</b>	<b>50%</b>

## 8. QUY ĐỊNH CỦA HỌC PHẦN

(các quy định của học phần (nếu có), ví dụ: sinh viên không nộp bài tập và báo cáo đúng thời hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ ...)

### 8.1 Quy định về tham dự lớp học

Tham dự lớp học theo đúng thời khóa biểu và thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy theo điều 7 Ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing, của quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

### 8.2 Quy định về hành vi lớp học:

- Không nói chuyện riêng trong lớp học, không ăn uống trong lớp học.
- Không làm việc riêng trong giờ học;
- Nộp bài đúng thời gian quy định;
- Sôi nổi, tích cực phát biểu trong giờ học;

### 8.3 Quy định về học vụ

Tuân thủ theo quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy theo tín chỉ tại trường ĐH Tài chính – Marketing được ban hành kèm quyết định 1329/QĐ-ĐHTCM ngày 16/07/2021.

## 9. HOLISTIC RUBRIC:

**Bảng 1: Bảng đánh giá chi tiết bài thuyết trình nhóm**

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng				Điểm
			Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Hình thức báo cáo	CLO11	10%	Đẹp, rõ, không lỗi chính tả	-----	Đơn điệu, chữ nhỏ, nhiều lỗi chính tả		
Kỹ năng trình bày	CLO11	10%	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, lưu người nghe	-----	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe		
Nội dung báo cáo/Chất lượng sản phẩm	CLO1-10	40%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-80% yêu cầu	Đáp ứng 50%-70% yêu cầu	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu	

Trả lời câu hỏi	CLO12	20%	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi	Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi	Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi	Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi	
Tham gia thực hiện cấp độ nhóm	CLO11	10%	100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	~ 80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	~ 60% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	< 40% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	
Tham gia hoạt động nhóm từng cá nhân	CLO12	10%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời > 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	

**Bảng 2: Bảng đánh giá chi tiết bài thi trắc nghiệm**

Tiêu chí	Không chấp nhận <5	Tạm chấp nhận 5-6	Khá 7-<8	Tốt 8-<9	Xuất sắc 9-<10
Nội dung	- Không chọn đúng được quá 50% số câu hỏi đưa ra	- Trả lời được đúng từ 50% đến 60% câu hỏi đưa ra.	- Trả lời được đúng 70- đến dưới 80% câu hỏi đưa ra.	- Trả lời được đúng từ 80% đến dưới 90% câu hỏi đưa ra	- Trả lời được đúng trên 90% các câu hỏi đưa ra

**Bảng 3: Rubric đánh giá kết quả đạt chuẩn đầu ra học phần**

Chuẩn đầu ra môn học	Tỷ lệ%	Mới bắt đầu	Biết sơ sài	Hiểu sơ bộ	Hiểu cận kề	Hiểu sâu
		0 - 3.4	3.5 - 4.9	5.0 - 6.9	7.0-8.4	8.5-10
CLO1	10%	Mới thu	Mới thiết	Hiểu được	Hiểu khá	Hiểu đầy đủ

CLO2	10%	nhận được một số ít thông tin mang tính rời rạc	lập được sự liên hệ giữa một số ít thông tin được thu nhận	các thông tin cơ bản và thiết lập được mối liên hệ sơ lược giữa chúng	đầy đủ các thông tin cần thiết và thiết lập được mối liên hệ giữa chúng	các thông tin cần thiết. Có thể khái quát hóa các thông tin thu nhận, đánh giá và vận dụng chúng vào các tình huống khác nhau.
CLO3	5%					
CLO4	10%					
CLO5	10%					
CLO6	10%					
CLO7	5%					
CLO8	5%					
CLO9	5%					
CLO10	5%					
CLO11	12.5%					
CLO12	12.5%					
Tổng điểm	100%					

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 7 năm 2022

TUQ. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG  
PHỤ TRÁCH PHÒNG QLKH

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

PGS.TS Phan Thị Hằng Nga

PGS.TS Nguyễn Thị Mỹ Linh

TS. Trần Thị Thanh Nga